

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Nguyễn Ngọc Cúc

+ Ông Huỳnh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai L, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Khu phố 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Khu phố 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Mai L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Mai Thị N chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126/2015, quyền số 01/2015 ngày 09/10/2015. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi nhau. Đã nhiều lần cả hai vợ chồng nói chuyện tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Ngọc Lam A, sinh ngày 22/9/2017. Khi ly hôn, ông L yêu cầu giao cháu Lam A cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn bà Mai Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không thực hiện và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có lời khai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

\* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.
- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

\* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; về con chung: Giao cháu Lam A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Mai L khởi kiện bà Mai Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: Ông L yêu cầu ly hôn với bà N, yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Nguyên đơn ông Mai L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Mai Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà N sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126/2015, quyển số 01/2015 ngày 09/10/2015, căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại địa phương nơi cư trú cho thấy: quá trình chung sống giữa ông L và bà N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải nhưng bà N vẫn vắng mặt không đến Tòa, không có lý do chính đáng nên không thể tiến hành hòa giải. Điều này cho thấy bà N không muốn hòa giải, đoàn tụ gia đình. Ông L vẫn cương quyết được ly hôn với bà N do không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông L và bà N là có thật, kéo dài, không thể hàn gắn nên yêu cầu của ông L về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận, cho ông L được ly hôn với bà Mai Thị N.

Về con chung: ông L và bà N có 01 con chung tên Mai Ngọc Lam A, sinh ngày 22/9/2017. Ly hôn, ông L yêu cầu giao cháu Lam A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết Tòa án đã thông báo cho bà N và yêu cầu bà nêu ý kiến về việc nuôi con nhưng bà N không có ý kiến. Tiến hành xác minh tại địa phương nơi bị đơn cư trú, địa phương cung cấp như sau: Bà N đang sinh sống tại địa phương, hiện đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, trong thời gian sinh sống tại địa phương bà N chưa có vi phạm pháp luật gì, chăm lo làm ăn. Hội đồng xét xử xét thấy bà N có đủ điều kiện nuôi con, việc ông L tự nguyện giao cháu Lam A cho bà N là có cơ sở chấp nhận. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án; ông Mai L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai L được ly hôn với bà Mai Thị N.

- Về con chung: Ông L và bà N có 01 (một) con chung tên Mai Ngọc Lam A, sinh ngày 22/9/2017. Giao cháu Lam A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Mai L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Mai L thực hiện quyền này.

Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Ông Mai L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003784 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Nhung**